

# SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ GIẢI PHÓNG GIAI CẤP

PGS, TS TRẦN THÀNH\*

Có thể nói Hồ Chí Minh là người cộng sản đầu tiên vận dụng thành công học thuyết Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, một nước thuộc địa nửa phong kiến. Tuy nhiên, nhân tố cơ bản đảm bảo thành công của cách mạng Việt Nam không chỉ đơn giản là “sự vận dụng”, mà còn là *sự phát triển sáng tạo* của Hồ Chí Minh đối với học thuyết đó, nhất là về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Học thuyết Mác đã cung cấp quan điểm, phương pháp khoa học để nhận thức vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Tuy nhiên, trong học thuyết Mác, vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc mới được xem dưới góc độ cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản. Sở dĩ như vậy vì vấn đề dân tộc đặt ra trong thời kỳ đó, đặc biệt là ở châu Âu là vấn đề dân tộc tư sản, nó được ra đời và củng cố bởi chủ nghĩa tư bản. Chính vì thế, trong học thuyết của Mác vấn đề đấu tranh giai cấp được đặt lên hàng đầu, coi giải phóng giai cấp là điều kiện để giải phóng dân tộc, các vấn đề dân tộc

được xem xét như những hệ quả của vấn đề giai cấp và giải quyết chúng trong sự phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản. Nói về điều đó Mác viết: “Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xoá bỏ”<sup>1</sup>.

Đến thời đại đế quốc chủ nghĩa, các đế quốc tranh giành thuộc địa với mục đích phân chia lại thế giới. Vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc để xây dựng quốc gia độc lập của các nước thuộc địa và phụ thuộc đã là một trong những vấn đề cấp bách của thời đại. Trong điều kiện đó, Lênin đã phát triển học thuyết cách mạng của Mác lên một tầm cao mới. Lênin đã chỉ ra sự gắn bó của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thực hiện quyền tự quyết dân tộc. Lênin viết: “Cuộc cách mạng xã hội chỉ có thể tiến hành được dưới hình thức một thời đại kết hợp cuộc nội chiến của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản trong các nước tiên tiến, với cả một loạt phong trào dân chủ và cách mạng, kể cả những phong trào giải phóng dân tộc trong các nước chưa phát triển, lạc hậu và bị áp bức”<sup>2</sup>. Hơn thế nữa, Lênin còn cho rằng: “... cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ không phải chỉ

\* Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh

là và chủ yếu là một cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cách mạng ở từng nước chống lại giai cấp tư sản ở nước mình, không phải thế, đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả các nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế”<sup>3</sup>.

Trong học thuyết cách mạng của Lênin, mặc dầu về cơ bản vấn đề dân tộc vẫn được đặt ra như là hệ quả của vấn đề giai cấp, giải phóng dân tộc vẫn được xem như là hệ quả của giải phóng giai cấp. Nhưng ở học thuyết đó phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng các dân tộc thuộc địa đã được coi trọng và đã được xem là một bộ phận hữu cơ của cách mạng vô sản thế giới. Những luận điểm của Lênin về vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp trở nên có ý nghĩa đối với tất cả các dân tộc bị áp bức. Điều đó lý giải tại sao mùa Hè năm 1920, sau khi đọc Luận cương của Lênin trên báo *Nhân đạo*, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc vui mừng đến phát khóc.

Ý thức giác ngộ về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc là tiền đề quyết định nhất, cũng là động lực chủ yếu để nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tiếp thu quan điểm mácxít về giai cấp. Quan điểm mácxít về giai cấp là nhân tố đảm bảo tính khoa học và cách mạng cho sự phát triển tinh thần dân tộc ở Người.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin do xuất phát từ sự bức thiết của cách mạng vô sản ở châu Âu thời bấy giờ, nên đã coi giải quyết vấn đề dân tộc như là một hệ quả của vấn đề giai cấp và cách mạng giải phóng dân tộc phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, chỉ có thể thành công khi cách mạng ở chính

quốc thành công. Hồ Chí Minh xuất phát từ phong trào ở các nước thuộc địa, từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam đã có cái nhìn mới mẻ và hết sức độc đáo về quan hệ giữa hai vấn đề trên. Đặt cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản trong mối quan hệ tương hỗ, tác động và thúc đẩy lẫn nhau, đồng thời làm nổi bật vai trò to lớn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong tiến trình cách mạng vô sản. Đây là một nét hết sức độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ sự phân tích sâu sắc bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân và nổi thống khổ của nhân dân các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh cho rằng, thuộc địa là nơi tập trung những mâu thuẫn của thời đại, là mắt khâu yếu nhất của chủ nghĩa thực dân. Người chỉ rõ: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”<sup>4</sup>.

Trên cơ sở đánh giá đúng sức mạnh to lớn của phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa không nhất thiết phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, hơn nữa còn có tính độc lập và có thể chủ động giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Bằng thắng lợi của mình, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa sẽ tác động trở lại đối với cách mạng chính quốc, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản ở chính quốc. Người dự báo: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong

những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”<sup>5</sup>.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc. Trong khi khẳng định nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ là đánh cả đế quốc và phong kiến, nhưng xuất phát từ một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã không coi hai nhiệm vụ đó ngang nhau, mà *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc để giải phóng dân tộc, đảm bảo mục tiêu trước hết, trọng tâm là độc lập dân tộc, còn nhiệm vụ chống phong kiến đem lại ruộng đất cho dân cày thì được tiến hành từng bước, nhằm phục vụ cho nhiệm vụ phản đế*. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh có độc lập thì mới giành được quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc. Và lại, kẻ áp bức, bóc lột nặng nề nhất đối với công nhân, nông dân và cũng là đối với cả dân tộc Việt Nam là bọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng. Do đó, Người đặt vấn đề phải tập trung ngọn lửa cách mạng vào bọn chúng. Xét về quan hệ lợi ích, trong cuộc cách mạng này, Hồ Chí Minh cho rằng phải *đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích giai cấp, lấy mục tiêu độc lập dân tộc làm mục tiêu hàng đầu*. Nói như vậy không có nghĩa là Hồ Chí Minh quên mất lợi ích của giai cấp, mà thực chất chính tư tưởng đó thể hiện sâu sắc quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin. Vì như vậy nó thoả mãn yêu cầu hàng đầu của các giai cấp là đánh đuổi đế quốc tay sai, giành độc lập cho Tổ quốc. Người viết: “Trong lúc này nếu

không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn phải chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”<sup>6</sup>. Trong cách mạng giải phóng dân tộc đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích giai cấp không vì thế mà làm suy giảm động lực của cách mạng. Nói về điều đó, Hồ Chí Minh viết: “... đừng tưởng rằng chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân sẽ giảm bớt sức chiến đấu. Không, nông dân không giảm bớt sự hăng hái tranh đấu mà vẫn nỗ lực tranh đấu mạnh hơn vì trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc họ cũng được hưởng nhiều quyền lợi to tát”<sup>7</sup>. Đó là cách nhìn thực tế, phân tích thấu đáo thái độ của các giai cấp trong xã hội Việt Nam. Am hiểu sâu sắc tình cảnh của nhân dân Việt Nam, Người có cách phân tích thái độ chính trị các giai cấp một cách thấu đáo. Theo Người, không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Ở đây, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc đặc điểm của dân tộc mình - một dân tộc mà yếu tố dân tộc tác động đến thái độ chính trị của con người mạnh hơn yếu tố giai cấp, yếu tố dân tộc nổi trội hơn yếu tố giai cấp. Do kinh tế Việt Nam còn lạc hậu, nên trong xã hội phân hoá giai cấp chưa rõ rệt, mâu thuẫn giai cấp không gay gắt. Do đó “cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”<sup>8</sup>. Người đã phê phán sự vận dụng máy móc, cứng nhắc quan điểm đấu tranh giai cấp: “... nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp

đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”<sup>9</sup>. Việt Nam đã có lịch sử đấu tranh mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong cuộc đấu tranh đó tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc được phát triển cao độ. Nhận thức rõ điều đó Người khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”<sup>10</sup>. Chủ nghĩa dân tộc mà Hồ Chí Minh đề cập tới ở đây là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: “Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể”<sup>11</sup>. Để xây dựng khối đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã phân tích tình hình và chỉ ra rằng trong lúc cần đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là điều ngu ngốc. Người khẳng định: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng. Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kè vai gánh vác một phần trách nhiệm”<sup>12</sup>.

Trên cơ sở lòng yêu nước và lợi ích chung của các giai cấp cần lao và tầng lớp khác trong dân tộc, Hồ Chí Minh đã hoá giải khôn khéo những đối kháng về quyền lợi giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội trong những điều kiện lịch sử - cụ thể để tập trung cho lợi ích toàn cục. Người viết: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp

nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này, thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”<sup>13</sup>. Như vậy muốn thực hiện được đại đoàn kết thì phải kế thừa được truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, phải có lòng khoan dung độ lượng với con người. Ngay cả đối với những người lầm đường lạc lối, nhưng đã biết hối cải, cũng phải biết kéo họ về phía dân tộc, không nên định kiến, khoét sâu cách biệt.

Với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, Người đã chủ trương lôi cuốn mọi người Việt Nam yêu nước, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nam nữ, lứa tuổi... vào một khối đoàn kết chặt chẽ trong tổ chức mặt trận thống nhất rộng rãi. Mặt trận đó theo Người, *phải lấy liên minh công - nông làm nền tảng và do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo*. Trong cuộc vận động phong trào yêu nước chống Pháp, Phan Bội Châu cũng nói đến đoàn kết, cũng nêu khẩu hiệu “toàn dân đoàn kết”, cũng chủ trương tập hợp rộng rãi từ phú hào đến quan tước, sĩ tịch, bồi bếp, thông ký, lính tập ..., nhưng riêng công nhân và nông dân chiếm số đông thì lại không thấy nhắc đến. Ở Hồ Chí Minh đại đoàn kết nhưng phải xác định rõ lực lượng chủ yếu làm gốc vững bền. Người viết: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân

lao động khác. Đó là *nền* gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”<sup>14</sup>. Hơn nữa để xây dựng được khối đại đoàn kết vững chắc Người rất chú ý phân tích làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu của từng giai cấp, tầng lớp. Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông dân chiếm đại đa số dân cư. Vì vậy “nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thực sự ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân”<sup>15</sup>. Nắm vững bản chất khoa học của học thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin và qua khảo sát thực tế đất nước, Người đã nhận thức rõ ràng, chỉ riêng lực lượng của chính mình, nông dân không bao giờ có thể trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ. Người đã đấu tranh không khoan nhượng với trào lưu cơ hội chủ nghĩa, những trào lưu “phình nịnh” nông dân, coi nông dân là lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất. Người cho rằng, nhận thức về vấn đề nông dân như vậy sẽ đi đến chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan vô chính phủ. Cho nên giai cấp công nhân phải đoàn kết với giai cấp nông dân, tổ chức họ và lãnh đạo họ, thì họ mới là lực lượng to lớn vững chắc. Còn đối với trí thức, từ học trò đến công chức, thầy thuốc, họ có trình độ văn hoá tương đối cao, song vì không có tổ chức, thiếu người lãnh đạo, cho nên họ dám nghĩ mà không dám nói. Sau khi phân tích toàn cảnh giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ, Hồ Chí Minh

khẳng định: giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng của đất nước.

Khẳng định tính dân tộc nổi trội hơn tính giai cấp là tư tưởng đúng đắn, sáng tạo phản ánh đúng tình hình thực tế của Việt Nam, cũng như các nước thuộc địa nói chung. Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa là Hồ Chí Minh coi nhẹ quan điểm giai cấp. Ở Người độc lập được đặt lên hàng đầu. Song, *giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc phải được giải quyết trên lập trường giai cấp vô sản*.

Đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh khẳng định: “Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được, Đảng mà không có giai cấp công nhân cũng không làm được gì”<sup>16</sup>. Nghĩa là, cách mạng chỉ có thể thành công nếu có Đảng của giai cấp công nhân. Người viết: “... muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”<sup>17</sup>.

Việc đặt cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, mang bản chất của cách mạng vô sản đã làm cho những luận điểm về giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh có tính toàn diện và triệt để. Để giải phóng con người thì giành độc lập dân tộc mới chỉ giải quyết được một phần về mặt chính trị, mới là bước đầu tiên chưa đủ để nhân dân được hưởng tự do, hạnh phúc. Chính vì vậy, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người cho rằng: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết

đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”<sup>18</sup>. Muốn thực hiện giải phóng hoàn toàn cho nhân dân lao động thì không chỉ đánh đổ bọn thực dân xâm lược, mà còn phải xoá bỏ tình trạng người bóc lột người. Vì thế cách mạng Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc tất yếu phải đi lên chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định: “... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>19</sup> và “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên trái đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc”<sup>20</sup>.

Hồ Chí Minh hiểu hơn ai hết, nếu không giành được độc lập dân tộc thì không thể giải phóng giai cấp, không thể nói đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Nhưng chỉ giải phóng dân tộc mà không đi đến giải phóng giai cấp thì cũng khó mà đảm bảo vững chắc được sự nghiệp giải phóng dân tộc mang lại. Do đó, Người chỉ rõ: “... cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”<sup>21</sup>. Đây là luận điểm quan trọng, vạch ra con đường phát triển của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, sau khi giành được độc lập dân tộc. Chỉ có *kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cuộc đấu tranh của nước mình với trào lưu cách mạng của thế giới mới tạo ra được sức mạnh to lớn để bảo vệ độc lập dân tộc và phát triển tiến bộ xã hội.*

Nói về điều đó Hồ Chí Minh viết: “Chúng ta phải hiểu rằng: giai đoạn này có dính líu với giai đoạn khác, nó kế tiếp giai đoạn trước và nó gây những mầm mống cho giai đoạn sau... Có thể xét tình hình chung mà định ra từng giai đoạn lớn, nhưng không thể tách hẳn từng giai đoạn một cách dứt khoát như người ta cắt cái bánh”<sup>22</sup>.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp đã được hiện thực hoá một cách sinh động trong cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

- 
1. *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, ST, H, 1980, T.1, tr. 565
  2. *V.I.Lênin Toàn tập*, Tiến bộ, M, 1979, T.30, tr. 146
  3. *Sđd*, T.39, tr. 370
  - 4, 5, 8, 10, 20. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.1, tr. 28, 36, 464, 466, 461
  - 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.7, tr. 113, 120
  - 9, 15. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, *Sđd*, T.5, tr. 272, 710
  11. *Sđd*, T.9, tr. 282
  12. *Sđd*, T.3, tr. 198
  - 13, 18. *Sđd*, T.4, tr. 246–247, 152
  14. *Sđd*, T.7, tr. 438
  16. *Sđd*, T.8, tr. 295
  17. *Sđd*, T.2, tr. 280
  19. *Sđd*, T.10, tr. 128
  21. *Sđd*, T.12, tr. 305
  22. *Sđd*, T.6, tr.165.